### ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**KHOA VIỆT NAM HỌC VÀ TIẾNG VIỆT**

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ VIỆT NAM**

**HIỆN ĐẠI**

**1. Thông tin về giảng viên:**

**1.1. Giảng viên 1:**

Họ và tên: **Phạm Quang Minh**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, PGS.TS.

Thời gian làm việc: từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần.

Địa chỉ liên hệ: Trường ĐHKHXHNV, phòng 209, nhà B, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại CQ: 04.8584599 (CQ)

Di động: 0904.696062

Email:[phqminh@hotmail.com](mailto:phqminh@hotmail.com)

Các hướng nghiên cứu chính:

• Chính sách và quan hệ đối ngoại của Việt Nam

• Quan hệ quốc tế ở Châu Á-Thái Bình Dương

• Chính trị quốc tế

• Chính trị học so sánh

**1.2. Giảng viên 2:**

**2. Thông tin chung về môn học:**

• Tên môn học: **Thể chế chính trị Việt Nam hiện đại**

• Mã môn học: VLC1151

• Số tín chỉ: 03

• Môn học: Bắt buộc

• Các môn học tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

• Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Nghe giảng lý thuyết: 42

- Thảo luận: 03

- Tự học xác định:

• Đơn vị Khoa/Bộ môn quản lí môn học: Khoa Việt Nam học &Tiếng Việt, P406 nhà A, Đại học KHXH&NV, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học:**

**3.1. Mục tiêu chung:**

Giúp sinh viên nắm được cơ sở, bản chất, quá trình hình thành, phát triển, đặc điểm và những bộ phận hợp thành cơ bản của thể chế chính trị Việt Nam.

**3.2. Chuẩn đầu ra của môn học** (Mục tiêu cụ thể):

**a. Về kiến thức:**

Sinh viên cần nắm được:

+ Những phạm trù và khái niệm cơ bản liên quan đến chính trị, thể chế chính trị nói chung và thể chế chính trị Việt Nam nói riêng.

+ Quá trình hình thành và phát triển của thể chế chính trị Việt Nam, đặc biệt là trong thời kỳ hiện đại.

+ Cấu trúc của thể chế chính trị Việt Nam.

+ Cơ chế vận hành của thể chế chính trị Việt Nam hiện đại.

**b. Về kỹ năng:**

+ Giúp sinh viên phát triển kỹ năng thu thập tài liệu, đọc và phân tích tài liệu.

+ Phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm.

+ Rèn luyện kỹ năng thảo luận, trình bày và bảo vệ quan điểm.

**c. Về thái độ:**

+ Giúp cho người học có nhận thức khoa học về vai trò, đặc điểm của nền chính trị Việt Nam hiện đại, qua đó nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc, có nhận thức đúng đắn trong bối cảnh quốc tế và khu vực có nhiều biến đổi.

**3.3. Chuẩn đầu ra chi tiết của môn học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  **Nội dung** | **Bậc 1** | **Bậc 2** | **Bậc 3** |
| **Chương**  **1**  Tổng  quan  về  môn học | I.A.1. Nhớ được một số khái niệm cơ bản như chính trị, thể chế chính trị, thể chế chính trị VN.  I.A.2. Nhớ được một số phương pháp nghiên cứu, cách tiếp cận đối với môn học thể chế chính trị VN (TCCT).  I.A.3. Nhớ được vai trò của thể chế chính trị đối với sự phát triển của một quốc gia | I.B.1. Hiểu được một số khái niệm cơ bản như chính trị, thể chế, thể chế chính trị và thể chế chính trị VN.  I.B.2. Hiểu và áp dụng được những phương pháp nghiên cứu và cách tiếp cận vào những giai đoạn và trường hợp chính trị cụ thể.  I.B.3. hiểu được vị trí và vai trò của TCCT trong nghiên cứu chính trị | I.C.1. Phân tích và so sánh những ưu, nhược điểm của các khái niệm chính trị, thể chế, thể chế chính trị và thể chế chính trị VN.  I.C.2. Phân tích ưu, nhược điểm của các phương pháp và cách tiếp cận trong nghiên cứu TCCT.  I.C.3. Phân tích ưu nhược điểm của một số loại hình TCCTtiêu biểu. |
| **Chương**  **2**  Cơ sở  lịch sử &  văn hoá  của  thể chế  chính trị  Việt Nam | II.A.1. Nhớ được những đặc điểm lịch sử và văn hoá cơ bản của VN.  II.A.2. Nhớ được nhưng yếu tố LS-VH có tác động tới sự hình thành và phát triển của TCCTVN. | II.B.1. Hiểu được vị trí và vai trò của lịch sử và văn hoá đối với chính trị và thể chế chính trị VN.  II.B.2. Hiểu được sự tác động qua lại giữa văn hoá-lịch sử và chính trị. | II.C.1. Phân tích, so sánh vị trí, vai trò của những yếu tố lịch sử-văn hoá của VN với các QG khác  II.C.2. Phân tích và rút ra những điểm mạnh và hạn chế của những yếu tố LS-VH đối với sự hình thành và PT của TCCT VN hiện đại. |
| **Chương**  **3**  Cơ sở  kinh tế  xã hội  của  thể chế  chính trị  Việt Nam | III.A.1. Nhớ được những đặc điểm KT-XH cơ bản của VN  III.A.2. Nhớ được nhưng yếu tố KT-XH có tác động tới sự hình thành và phát triển của TCCT Việt Nam | III.B.1. Hiểu được vị trí và vai trò của các yếu tố kinh tế-xã hội đối với chính trị và thể chế chính trị VN  III.B.2. Hiểu được sự tác động qua lại giữa cơ sở KT-XH và TCCT | III.C.1. Phân tích và so sánh vị trí và vai trò của những yếu tố KT-XH của VN với các quốc gia khác (nếu biết).  III.C.2. Đánh giá những ưu điểm và hạn chế của những yếu tố KT-XH đối với sự hình thành và PT của TCCTVN hiện đại. |
| **Chương**  **4**  Hiến  pháp  nước  cộng hòa  xã hội  chủ nghĩa  Việt Nam | IV.A.1. Nhớ được nội dung cơ bản của các bản Hiến pháp Việt Nam (HPVN).  IV.A.2. Nhớ được chức năng, vai trò của HP.  IV.A.3. Nhớ được quy trình soạn thảo, sửa đổi, điều chỉnh HP.  IV.A.4. Nhớ được những nét khái quát, cơ bản về lịch sử, vai trò pháp định, cơ cấu tổ chức của Nhà nước CHXHCN Việt Nam. | IV.B.1. Hiểu được những đặc trưng cơ bản của HP với tư cách là văn bản pháp lý cao nhất QĐ sự vận hành của một TCCT.  IV.B.2. Hiểu được mqh giữa HP và các văn bản pháp quy khác liên quan tới TCCT.  IV.B.3. Hiểu được quy trình soạn thảo, ban hành, sửa đổi HP.  IV.B.4. Hiểu được vai trò pháp định, mqh giữa NN với các thành tố khác trong TCCTVN hiện đại. | IV.C.1. Phân tích và so sánh 04 bản HP của VN.  IV.C.2. So sánh nội dung HPVN với một số HP của các quốc gia khác.  IV.C.3. Phân tích và so sánh quy trình soạn thảo, ban hành và sửa đổi HP của VN với một số quốc gia khác.  IV.C.4. Phân tích cơ cấu tổ chức của NN CHXHCNVN, mối quan hệ giữa NN với các thành tố khác trong TCCTVN hiện đại. |
| **Chương**  **5**  Đảng  Cộng sản Việt Nam | V.A.1. Nhớ được khái quát về lịch sử, cơ cấu tổ chức, cương lĩnh của ĐCSVN.  V.A.2. Nhận ra được vai trò pháp định và phương thức họat động của ĐCSVN với tư cách là nhân tố lãnh đạo trong TCCTVN hiện đại. | V.B.1. Hiểu được lịch sử, cơ cấu tổ chức, cương lĩnh của ĐCSVN.  V.B.2. Nắm vững vai trò pháp định và phương thức họat động của ĐCSVN với tư cách là nhân tố lãnh đạo hệ thống chính trị Việt Nam hiện đại. | V.C.1. Đánh giá vai trò pháp định và phương thức họat động của Đảng Cộng sản Việt Nam với tư cách là nhân tố lãnh đạo trong TCCTVN hiện đại.  V.C.2. Phân tích mối quan hệ giữa ĐCSVN với các thành tố khác trong TCCTVN hiện đại. |
| **Chương**  **6**  Quốc hội  cơ quan  lập pháp | VI.A.1. Nhớ một cách khái quát về lịch sử Quốc hội (QH) nước CHXHCNVN.  VI.A.2. Nhận biết được vai trò pháp định của QH nước CHXHCN Việt Nam và các cơ quan dân cử các cấp. | VI.B.1. Nắm vững căn bản về lịch sử và vai trò pháp định của QH nước CHXHCN VN.  VI.B.2. Hiểu được v.trò ph.định của các CQDC các cấp và mqh giữa QH và hệ thống CQDC với các thành tố khác của TCCTVN hiện đại. | VI.C.1. Phân tích và so sánh lịch sử, vai trò pháp định của QH CHXHCN VN và các CQDC các cấp, về mối quan hệ giữa Quốc hội và hệ thống cơ quan dân cử với các thành tố khác của TCCTVN hiện đại. |
| **Chương**  **7**  Chính phủ (CP)  Cơ quan  hành pháp | VII.A.1. Nhớ được khái quát về lịch sử, hệ thống tổ chức, chức năng, quá trình thành lập của CP và các CQ HP-HC các cấp (CQHP - HCCC).  VII.A.2. Biết được vai trò pháp định của CP CHXHCNVN và các CQHP-HC các cấp. | VII.B.1. Hiểu được cơ bản về lịch sử, hệ thống tổ chức, chức năng, vai trò pháp định của CP nước CHXHCN VN và các cơ quan hành pháp – hành chính các cấp. | VII.C.1. Phân tích và đánh giá về lịch sử, hệ thống tổ chức, chức năng, vai trò pháp định của CP CHXHCNVN và các CQHP-HC các cấp.  VII.C.2. So sánh vai trò, chức năng pháp định các CQHP-HCcủa CHXH  CNVN với các cơ quan này ở một số QG khác. |
| **Chương**  **8**  Cơ quan  tư pháp | VIII.A.1. Nhớ được quá trình hình thành, phát triển, đặc điểm, vị trí của hệ thống tư pháp và toà án các cấp ở VN (TP&TACC).  VIII.A.2. Nhớ được cơ cấu tổ chức, vai trò pháp định và nguyên tắc HĐ của HT hệ thống TP&TACC ở VN. | VIII.B.1. Nắm vững vị trí, cơ cấu tổ chức, vai trò pháp định và nguyên tắc hoạt động của hệ thống tư pháp và toà án các cấp ở Việt Nam. | VIII.C.1. Phân tích quá trình hình thành, phát triển, đặc điểm, cơ cấu tổ chức, vai trò pháp định, nguyên tắc HĐ của hệ thống TP&TACC ở VN.  VIII.C.2. So sánh cơ cấu tổ chức, vai trò pháp định và nguyên tắc HĐ của hệ thống TP&TACCVN với một số QG khác. |
| **Chương**  **9**  Các  tổ chức  chính trị  xã hội | IX.A.1. Nhớ được vị trí, cơ cấu tổ chức, vai trò pháp định và nguyên tắc họat động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, tổ chức chính trị – xã hội khác | IX.B.1. Hiểu được căn bản về lịch sử, cơ cấu tổ chức, vai trò pháp định và nguyên tắc họat động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội khác. | IX.C.1. Đánh giá về vai trò pháp định, cơ cấu tổ chức và nguyên tắc họat động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, tổ chức chính trị – xã hội khác. |
| **Chương**  **10**  Hệ thống phương tiện thông tin  đại chúng  ở VN | X.A.1. Nhớ được những nét khái quát về lịch sử, tình hình phát triển, vai trò pháp định và vai trò thực tiễn của truyền thông đại chúng ở VN hiện nay. | X.B.1. Nắm vững vị trí, quá trình phát triển, vai trò pháp định và vai trò thực tiễn của truyền thông đại chúng (TTĐC) ở Việt Nam hiện nay. | X.C.1. So sánh vai trò pháp định và thực tiễn của TTĐC ở VN hiện nay với một số nước khác (nhấn mạnh các giải pháp thực tiễn để phát huy vai trò phản biện, kiểm sóat quyền lực và xã hội hóa chính trị của TTĐC. |
| **Chương**  **11**  Các  nhóm lợi ích ở  Việt Nam | XI.A.1. Nhớ được những nét khái quát về các cơ quan phi chính phủ (NGOs) nói chung và sự hình thành, vai trò pháp định và vai trò thực tiễn của NGOs và các “nhóm lợi ích” ở VN hiện nay | XI.B.1. Hiểu được những nét cơ bản về NGOs nói chung và sự hình thành, vai trò pháp định và vai trò thực tiễn của NGOs và các “nhóm lợi ích” ở VN hiện nay | XI.C.1. Phân tích và so sánh sự hình thành, vai trò pháp định và vai trò thực tiễn của NGOs và các “nhóm lợi ích” ở VN hiện nay với một số nước khác. |
| **Chương**  **12**  Tham gia chính trị  và  quyền công dân | XII.A.1. Nhớ được các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong nền CT hiện đại, mối quan hệ giữa nhà nước & công dân và các TCCT khác. | XII.B.1. Hiểu được các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong nền CT hiện đại, mối quan hệ giữa nhà nước & công dân và các TCCT khác. | XII.C.1. Đánh giá các quyền và nghĩa vụ cơ bản của CD, mối quan hệ giữa nhà nước & công dân trong nền CT hiện đại VN với các QG khác. |
| **Chương**  **13**  Thể chế chính trị  và  chính sách đối ngoại  của VN | XIII.A.1. Nhớ được vai trò của TCCT, NN trong việc hoạch định CS đối ngoại và phát triển quan hệ quốc tế của một quốc gia, mối tác động qua lại giữa thể chế, nhà nước và chính sách đối ngoại | XIII.B.1. Nắm chắc vai trò của TCCT, nhà nước trong việc hoạch định chính sách đối ngoại và phát triển quan hệ quốc tế của một quốc gia, mối tác động qua lại giữa thể chế, nhà nước và chính sách đối ngoại | XIII.C.1. Đánh giá vai trò của TCCT, nhà nước trong việc hoạch định chính sách đối ngoại và phát triển quan hệ quốc tế của VN, và mối tác động qua lại giữa thể chế, nhà nước và chính sách đối ngoại. |

**4. Tóm tắt nội dung môn học:**

Môn học cung cấp và giới thiệu những kiến thức cơ bản, cập nhật, hệ thống về thể chế chính trị Việt Nam, bao gồm khái niệm thể chế chính trị, một số phương pháp nghiên cứu, cơ sở lịch sử-văn hoá, kinh tế-xã hội và hiến pháp với tư cách là văn bản pháp lý quan trọng nhất của một thể chế chính trị. Trên cơ sở đó, môn học phân tích những thành tố cơ bản của thể chế chính trị, bao gồm Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan lập pháp (quốc hội), cơ quan hành pháp (chính phủ), cơ quan tư pháp (hệ thống toà án và viện kiểm soát), các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức phi chính phủ, các nhóm lợi ích và hệ thống phương tiện thông tin đại chúng với tư cách là cơ quan quyền lực thứ tư. Cuối cùng, môn học phân tích quá trình tham gia chính trị, quyền công dân và việc hoạch định chính sách đối ngoại.

**5. Nội dung chi tiết môn học:**

**Chương I. Nhập môn Thể chế chính trị Việt Nam**

**1.1. Khái niệm thể chế chính trị trong khoa học chính trị hiện đại.**

1.1.1.Khái niệm chính trị

1.1.2. Khái niệm thể chế

1.1.3.Khái niệm thể chế chính trị trong khoa học chính trị phương Tây và trong bối cảnh chính trị Việt Nam hiện đại.

**1.2. Một số cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu chủ yếu**

1.2.1. Phương pháp lịch sử

1.2.2. Phương pháp cấu trúc-hệ thống

1.2.3. Phương pháp so sánh

1.2.4. Quan điểm của một số học giả tiêu biểu trong và ngoài nước

**1.3. Vai trò của thể chế chính trị đối với sự phát triển quốc gia**

1.3.1. Tính chất của thể chế

1.3.2. Mối quan hệ tác động qua lại giữa thể chế chính trị và phát triển

1.3.2. Xây dựng thể chế chính trị phù hợp

**Chương II. Cơ sở của thể chế chính trị Việt Nam hiện đại**

**2.1. Cơ sở lịch sử-văn hoá của thể chế chính trị Việt Nam**

2.1.1. Một số đặc điểm lịch sử và văn hoá chính trị của Việt Nam

2.1.2. Tác động của yếu tố lịch sử và văn hoá tới sự hình thành và phát triển của thể chế chính trị Việt Nam

2.1.3. Khái quát về thể chế chính trị và bộ máy điều hành, quản lý đất nước trước năm 1945.

**2.2. Cơ sở kinh tế-xã hội của thể chế chính trị Việt Nam**

2.2.1. Những đặc điểm kinh tế-xã hội cơ bản của Việt Nam

2.2.2. Tác động của những yếu tố kinh tế-xã hội tới sự hình thành và phát triển của thể chế chính trị Việt Nam

**2.3. Hiến pháp-Văn bản pháp lý quan trọng nhất của một thể chế chính trị**

2.3.1. Khái niệm, chức năng, vai trò của Hiến pháp

2.3.2. Các văn bản Hiến pháp của Việt Nam

2.3.3. Tổ chức nhà nước Việt Nam theo Hiến pháp năm 1992 của nước CHXHCN Việt Nam

**Chương III. Các bộ phận hợp thành thể chế chính trị Việt Nam hiện đại**

**3.1. Đảng Cộng sản Việt Nam**

3.1.1. Tổng quan lịch sử Đảng.

3.1.2. Cấu trúc tổ chức, cương lĩnh, đảng viên.

3.1.3. Vai trò và phương thức lãnh đạo của Đảng.

**3.2. Cơ quan lập pháp-Quốc hội CHXHCN Việt Nam và các cơ quan dân cử**

3.2.1. Khái lược về lịch sử và cấu trúc của Quốc hội

3.2.2. Vai trò pháp định của Quốc hội.

**3.3. Cơ quan hành pháp-Chính phủ CHXHCN Việt Nam**

3.3.1. Khái lược lịch sử và cấu trúc của chính phủ.

3.3.2. Vai trò pháp định của chính phủ.

**3.4. Cơ quan tư pháp**

3.4.1. Khái lược về lịch sử và cấu trúc của cơ quan tư pháp Việt Nam

3.4.2. Vai trò pháp định và nguyên tắc hoạt động của hệ thống tư pháp và toà án các cấp ở Việt Nam

**Chương IV: Vai trò của một số tổ chức chính trị-xã hội**

**4.1. Mặt trận Tổ quốc VN và các đoàn thể, tổ chức chính trị-xã hội khác.**

4.1.1. Khái lược lịch sử mặt trận dân tộc thống nhất.

4.1.2. Cấu trúc và vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

4.1.3. Vị trí, vai trò của các tổ chức chính trị-xã hội khác

**4.2. Truyền thông đại chúng – “quyền lực thứ tư” ở Việt Nam**

3.6.1. Vai trò của truyền thông đại chúng trong hệ thống chính trị hiện đại

3.6.2. Khái lược về truyền thông đại chúng Việt Nam.

3.6.3. Vai trò pháp định và vai trò chính trị của truyền thông đại chúng.

**4.3. Các tổ chức phi chính phủ (NGOs) và các “Nhóm lợi ích” ở Việt Nam**

3.7.1. Khái lược về vai trò của NGOs và các nhóm lợi ích.

3.7.2. Vai trò chính trị của NGOs và các nhóm lợi ích ở Việt Nam hiện nay.

**Chương V. Tham gia chính trị và hoạch định chính sách đối ngoại**

**5.1. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân**

5.1.1. Một số quyền cơ bản

5.1.2. Một số nghĩa vụ cơ bản

5.1.3. Mối quan hệ giữa nhà nước và công dân

**5.2. Cơ chế hoạch định chính sách đối ngoại.**

5.2.1. Khái quát chính sách đối ngoại Việt Nam

5.2.2. Quá trình hoạch định chính sách đối ngoại

5.2.3. Vai trò của nhà nước và công dân trong hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại

**6. Học liệu:**

**6.1. Học liệu bắt buộc:**

1. Ban Chỉ đạo biên sọan lịch sử chính phủ Việt Nam, Lịch sử chính phủ Việt Nam, T.1, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.

2. D­ương Xuân Ngọc (chủ biên) Mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân cấp xã ở n­ước ta hiện nay, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.

3. Hoàng Chí Bảo (cb), Hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn n­ước ta hiện nay, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.

4. Lê Mậu Hãn, Nguyễn Văn Thư, Lịch sử Quốc hội Việt Nam, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994

5. Vũ Minh Giang (CB), Đặc trưng của hệ thống chính trị và bộ máy quản lý đất nước trước thời kỳ Đổi mới, Đề tài cấp Nhà nước, Mã số: KX.10-08.

**6.2. Học liệu tham khảo:**

6. Bộ Nội vụ, Lịch sử Bộ Nội vụ, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.

7. Bùi Tiến Quý – D­ương Danh Mỵ, Một số vấn đề về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa ph­ương trong giai đoạn hiện nay ở n­ước ta, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, (1998).

8. Dương Kinh Quốc: Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội 1988.

9. Neher, Clark D., (1994), Asian Style Democracy, in trong: Asian Survey, vol. XXXIV, No. 11. pp. 949-961.

10. Nguyễn Quốc Phẩm (chủ biên), Hệ thống chính trị và dân chủ hoá đời sống xã hội nông thôn miền núi,vùng dân tộc thiểu số các tỉnh miền núi phía Bắc nư­ớc ta, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.

11. Phân viện Báo chí – Tuyên truyền, Khoa Chính trị học, Thể chế chính trị thế giới đ­ương đại, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.

12. Phan Đại Doãn và Nguyễn Quang Ngọc (CB), Kinh nghiệm tổ chức quản lý nông thôn Việt Nam trong lịch sử. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994.

13. Trần Phúc Thắng (chủ biên) Vấn đề nhất nguyên chính trị ở Việt Nam hiện nay, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.

14. Vũ Thị Phụng, Lịch sử Nhà nước và pháp quyền Việt Nam hiện đại, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1994.

15. Woodside, A.B., Vietnam and the Chinese Model. A Comparative Study of Vietnamese and Chinese Government in the First Half of the Nineteenth Century. Cambridge und London, Harvard University Press. 1971.

**7. Hình thức tổ chức dạy học:**

**7.1. Lịch trình chung:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung**  (15 tuần) | **Hình thức tổ chức dạy học môn học** | | | | | **Tổng số** |
| **Lên lớp** | | | Thực hành điền dã | Tự học, nghiên cứu |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận |
| Tuần 1. Chương 1 | 3 |  |  |  |  |  |
| Tuần 2. Chương 2 | 3 |  |  |  |  |  |
| Tuần 3. Chương 3 | 3 |  |  |  |  |  |
| Tuần 4. Chương 4 | 3 |  |  |  |  |  |
| Tuần 5. Chương 4 | 3 |  |  |  |  |  |
| Tuần 6. Chương 5 | 3 |  |  |  |  |  |
| Tuần 7. Kiểm tra giữa kì | 2 |  |  |  |  |  |
| Tuần 8. Chương 6 | 3 |  |  |  |  |  |
| Tuần 9. Chương 7 | 3 |  |  |  |  |  |
| Tuần 10. Chương 8 | 2 |  | 1 |  |  |  |
| Tuần 11. Chương 9 | 3 |  |  |  |  |  |
| Tuần 12. Chương 10 | 3 |  |  |  |  |  |
| Tuần 13. Chương 11 | 3 |  |  |  |  |  |
| Tuần 14. Chương 12 | 3 |  |  |  |  |  |
| Tuần 15. Chương 13  & Ôn tập, giải đáp | 2 |  | 2 |  |  |  |
| **Tổng cộng:** | **42** |  | **3** |  |  | **45** |
| **Tổng số giờ trên lớp** | **42** |  | **3** |  |  | **45** |

**7.2. Lịch trình tổ chức dạy học cụ thể:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức,**  **tổ chức**  **dạy học** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Nội dung chính** | **Yêu cầu sinh viên**  **chuẩn bị** | **Ghi chú** |
|  |  | **Tuần 1** |  |  |
| Lý thuyết | 3 giờ  trên lớp | **Chương 1**  - Giới thiệu MH và, ĐCMH, học liệu, yêu cầu, kiểm tra, đánh giá, phương pháp học tập MH | - Phân phát ĐC.  -Giới thiệu gi.trình, HLTK  - Tìm đọc gi.trình và tìm thêm các TL khác.  - Phân nhóm để chuẩn bị thuyết trình; Chuẩn bị HL |  |
| Tự học | ở nhà,  thư viện | Theo hướng dẫn của GV | Đọc HLBB và HLTK. |  |
|  |  | **Tuần 2** |  |  |
| Lý thuyết | 3 h trên lớp | **Chương 2** | - Đọc HL số 12 và số 8 |  |
|  |  | Văn hoá chính trị VN được biểu hiện như thế nào? | - Chuẩn bị các ND thảo luận; chia nhóm, phân nhóm trưởng, phân đọc ND …v.v. |  |
|  |  | **Tuần 3** |  |  |
| Lý thuyết | 3 h trên lớp | **Chương 3** | - Đọc học liệu số 12 |  |
| Tự học | ở nhà | Yếu tố KT nào tác động mạnh mẽ nhất đến TCCTVN |  |  |
|  |  | **Tuần 4** |  |  |
| Lý thuyết | 3 giờ  trên lớp | **Chương 4** | - Đọc TLTH số 14. |  |
| Bài tập |  | Giao BTCN /tuần |  |  |
| Tự học | ở nhà | Tổ chức nhà nước VN theo HP năm 1992 của nước CHXHCN VN |  |  |
|  |  | **Tuần 5** |  |  |
| Lý thuyết | 3 giờ  trên lớp | **Chương 4** | Đọc 4 bản HP và chuẩn bị thảo luận. |  |
| Tự học | ở nhà | Bối cảnh ra đời, nội dung chính, ý nghĩa của 4 bản HP của VN |  |  |
|  |  | **Tuần 6** |  |  |
| Lý thuyết | 3 giờ  trên lớp | **Chương 5** | - Đọc TLTK số 02. |  |
| Tự học | ở nhà | Làm thế nào để tăng cường được vai trò lãnh đạo của Đảng |  |  |
|  |  | **Tuần 7** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ  trên lớp | **Kiểm tra giữa kì** | Làm bài tại lớp |  |
|  |  | **Tuần 8** |  |  |
| Lý thuyết | 3 giờ  trên lớp | **Chương 6** | Đọc TLTK số 4. |  |
| Tự học | ở nhà | Làm thế nào để tăng cường vai trò của QH? Biện pháp nào giúp cải tổ HĐND các cấp ? | - Đọc TLTK số 4. |  |
|  |  | **Tuần 9** |  |  |
| Lý thuyết | 3 giờ  trên lớp | **Chương 7**  - Thế nào là một CP hiệu quả?  - Chính phủ điện tử ở VN ? | Đọc TLTK số 1. |  |
|  |  | **Tuần 10** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ  trên lớp | **Chương 8** | - Đọc TLTK số 14.  - Sưu tầm xem phim tr.hình “Toà tuyên án” |  |
| Thảo luận | 1giờ  trên lớp | Vai trò của toà án các cấp trong xử lý khiếu kiện như thế nào? | Diễn một tiểu phẩm |  |
|  |  | **Tuần 11** |  |  |
| Lý thuyết | 3 h trên lớp | **Chương 9**  Làm thế nào để tăng cường vai trò của các tổ chức quần chúng? | Đọc TLTK số 7 và số 10. |  |
|  |  | **Tuần 12** |  |  |
| Lý thuyết | 3 h trên lớp | **Chương 10**  Quyền lực báo chí | Đọc TLTK số 1. |  |
|  |  | **Tuần 13** |  |  |
| Lý thuyết | 3 h trên lớp | **Chương 11** | Đọc TLTK số1 |  |
| Thảo luận  Tự học | 1giờ  trên lớp  ở nhà | Mối quan hệ giữa các nhóm lợi ích và chính trị. | - Chuẩn bị nội dung, câu hỏi thảo luận.  - Chia nhóm, phân nhóm trưởng, phân đọc ND… |  |
|  |  | **Tuần 14** |  |  |
| Lý thuyết | 3 h trên lớp | **Chương 12** | Đọc TLTK số 1, 2 &4. |  |
| Tự học | ở nhà | Tình hình phân chia/phân công quyền lực trong kết cấu quyền lực trung ương? | - Đọc TLTK số 13. |  |
|  |  | **Tuần 15** |  |  |
| Lý thuyết | 2h trên lớp | **Chương 13** | Đọc TLTK 1 và 13. |  |
| Thảo luận | 2 giờ  trên lớp | - Công luận có vai trò như thế nào? Công dân có thể tham gia hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại như thế nào? | - Chuẩn bị nội dung, câu hỏi thảo luận.  - Chia nhóm, phân nhóm trưởng, phân đọc ND…  - Đọc TLTK 1 và 13. |  |
| Tự học | Ở nhà | - Hướng dẫn ôn tập các nội dung thi hết môn theo hướng dẫn của giáo viên.  - Giải đáp các câu hỏi ôn tập. | - Ôn tập  - Chuẩn bị thi hết môn. |  |

**8. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu của giảng viên:**

Sinh viên chỉ được dự thi kết thúc môn học với điều kiện:

- Có mặt ít nhất 80% tổng số giờ trên lớp (lý thuyết, hoặc thảo luận).

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong ĐCMH

- Các bài tập phải nộp đúng hạn.

- Tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp.

**9. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học:**

**9.1. Mục đích và trọng số kiểm tra, đánh giá:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình**  **thức** | **Tính chất của**  **nội dung kiểm tra** | **Mục đích kiểm tra** | **Trọng số** |
| Kiểm tra,  đánh giá thường xuyên | **Mục tiêu bậc 1 và 2:**  Chủ yếu về lý thuyết, bước đầu đòi hỏi hiểu sâu. | Đánh giá khả năng nhớ, tái hiện các ND cơ bản của MH và kỹ năng làm việc nhóm, khả năng trình bày, thuyết trình một v/đ lý luận cơ bản. | 10% |
| Kiểm tra,  đánh giá  định kỳ | **Mục tiêu bậc 2 và 3:**  Chủ yếu về lý thuyết, hiểu sâu và có liên hệ thực tế. | Đánh giá kỹ năng nghiên cứu độc lập và kĩ năng trình bày. | 30% |
| Kiểm tra  cuối kỳ | **Mục tiêu bậc 1, 2& 3:**  Hiểu sâu lý thuyết, đánh giá được giá trị của LT trên cơ sở liên hệ l.luận và th.tế. | Đánh giá trình độ nhận thức và kỹ năng liên hệ l.luận và th.tiễn. | 60% |

**9.2. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập và kiểm tra đánh giá:**

**9.2.1. Loại bài tập cá nhân (đánh giá mức độ đạt mục tiêu bậc 1):**

a. Về nội dung:

+ Nắm được được nội dung cơ bản của từng chương.

+ Trình bày được đề cương sơ lược cho từng chương và toàn môn học.

+ Nhất thiết phải sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn (có thể sử dụng thêm tài liệu do người học tự tìm).

b. Về hình thức:

+ Trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng, trích dẫn hợp lý và có xuất xứ.

**9.2.2. Loại bài tập nhóm (đánh giá mức độ đạt mục tiêu bậc 1 và 2):**

Loại bài tập này được các nhóm thực hiện trước tại nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên. Mỗi nhóm cử 01 người/những người đại diện trình bày trên lớp (hoặc theo sự chỉ định của giảng viên). Bài tập nhóm/tháng được đánh giá thông qua chất lượng báo cáo kết quả nghiên cứu của nhóm, sự trình bày của đại diện nhóm và các ý kiến tham gia thảo luận.

Báo cáo kết quả nghiên cứu của nhóm phải thực hiện theo mẫu sau:

**Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn**

Khoa Khoa Tiếng Việt và Văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THEO NHÓM**

Vấn đề nghiên cứu:…………………………….

1. Danh sách nhóm và các nhiệm vụ được phân công.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Nhiệm vụ được phân công** | **Ghi chú** |
| 1. | Nguyễn Văn A |  | Nhóm trưởng |
| 2. | ... | ... |  |
| 3 | … | … |  |

2. Quá trình làm việc của nhóm (miêu tả các buổi họp, có biên bản kèm theo).

3. Tổng hợp kết quả làm việc nhóm.

4. Kiến nghị, đề xuất (nếu có).

**Nhóm trưởng**

*(Kí tên)*

**• Lưu ý**:

- Việc chia nhóm, phân công nhóm trưởng được thực hiện từ đầu khóa học.

- Các loại bài tập phải nộp cho giảng viên (có thể nộp qua email) chậm nhất 01 ngày trước buổi lên lớp.

- Điểm bài tập nhóm của mỗi sinh viên được tính theo công thức:

- Sinh viên không tham gia thực hiện bài tập nhóm nào thì điểm bài tập ấy của sinh viên tính điểm 0.

**9.2.3. Loại bài tập lớn, giữa kì và cuối kì (đánh giá mức độ bậc 2&3):** Trong thời gian từ tuần học thứ 7 đến tuần học thứ 8, sinh viên sẽ làm bài tập lớn giữa kỳ và sau tuần 15 làm bài tập lớn thi hết môn (cuối kì).

- Nội dung đánh giá gồm 3 tiêu chí:

+ Tiêu chí 1: Xác định đúng vấn đề cần phải giải quyết.

+ Tiêu chí 2: Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt.

+ Tiêu chí 3: Có sử dụng các tài liệu, phương pháp nghiên cứu do giảng viên hướng dẫn.

- Hình thức đánh giá gồm 1 tiêu chí:

+ Tiêu chí 4: Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng, trích dẫn hợp lý và có dẫn xuất xứ.

**• Cụ thể biểu đánh giá điểm như sau:**

**- Điểm 9-10:** Đạt cả 4 tiêu chí

**- Điểm 7-8:** Đạt 2 tiêu chí đầu; tiêu chí 3 chưa đầy đủ; tiêu chí 4 còn lỗi.

**- Điểm 5-6:** Đạt tiêu chí 1; tiêu chí 2 chưa giải quyết trọn vẹn; tiêu chí 3&4 còn mắc lỗi nhỏ.

**- Điểm dưới 5:** Không đạt cả 4 tiêu chí.

**9.4. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại):**

- Lịch kiểm tra giữa kỳ: tuần 8 của học kỳ

- Lịch kiểm tra cuối kỳ: theo thông báo của Phòng đào tạo

- Lịch thi lại: theo thông báo của Phòng đào tạo

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2013

**Duyệt Chủ nhiệm bộ môn Giảng viên**

*(Thủ trưởng đơn vị đào tạo) (Ký tên) (Ký tên)*

Phạm Quang Minh